

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN EA H'LEO  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 18/2024/DS-ST

Ngày 24 tháng 4 năm 2024

*"V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA H'LEO TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đỗ Văn Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Tiến Dũng, ông Hoàng Tuyển

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thúy Hằng là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea H'Leo, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Ông Hồ Quang Phúc - Kiểm sát viên

Ngày 24 tháng 4 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 20/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2024/ QĐXXST - DS ngày 26 tháng 3 năm 2024 và theo Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/ QĐST - DS ngày 09 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N Việt Nam.

Địa chỉ: Số nhà 02, đường L, quận B, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Huỳnh Ngọc T - Phó giám đốc (Có mặt).

Nơi công tác: Ngân hàng N Việt Nam - Chi nhánh E, Bắc Đắk Lắk.

Địa chỉ: Km 86, Quốc lộ 14, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Phạm D, sinh năm 1994 (Vắng mặt);

2. Bà Phạm Thị Ngọc L, sinh năm 2002 (Vắng mặt);

3. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 02 tháng 04 năm 2021, Ngân hàng N Việt Nam (Ngân hàng) cho ông Phạm Văn

T, bà L (Ông T, bà L) vay số tiền 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng*); Thời hạn vay: 12 tháng; Lãi suất: 10%/năm; Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn; Lãi suất chậm trả: 10%/năm; Hình thức vay có bảo đảm bằng giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng (Sau khi vay đến nay), ông T, bà L chưa trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2024, ông T, bà L còn nợ Ngân hàng với tổng số tiền 1.424.828.491đ (Gốc 1.000.000.000đ, lãi 424.828.491đ).

Mặc dù đã quá hạn trả nợ nhưng ông T, bà L không trả cho nên Ngân hàng khởi kiện buộc ông T, bà L trả số tiền 1.424.828.491đ (Gốc 1.000.000.000đ, lãi suất tạm tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2024 là 424.828.491đ) và lãi phát sinh theo Hợp đồng đã ký kết.

Trường hợp ông T, bà L trả xong nợ, thì Ngân hàng trả lại cho ông T, bà L tài sản đã thế chấp. Trường hợp ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ (Không thực hiện hoặc thực hiện không đúng), thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay.

***Trong thời hạn chuẩn bị xét xử, bà Nguyễn Thị L trình bày:***

Ngày 02 tháng 04 năm 2021, bà và ông T có vay của Ngân hàng số tiền 1.000.000.000đ với lãi suất và thời hạn vay như đại diện Ngân hàng trình bày. Hình thức vay là có bảo đảm.

Sau khi vay, do làm ăn thua lỗ, nên bà và ông T chưa trả nợ được, do đó Ngân hàng khởi kiện. Bà và ông T đồng ý trả cho Ngân hàng số tiền gốc 1.000.000.000đ và lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

Trường hợp bà và ông T trả xong nợ, thì yêu cầu Ngân hàng trả lại tài sản thế chấp. Trường hợp bà và ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì bà và ông T đồng ý phát mại tài sản đã thế chấp để Ngân hàng thu hồi nợ.

***Tại Giấy ủy quyền số 241 450 225/UQ ngày 30 tháng 3 năm 2020 thể hiện nội dung:***

Ngày 30 tháng 3 năm 2020, ông T, ông D và bà L ủy quyền cho bà L thay mặt thực hiện các giao dịch liên quan đến vay vốn ngân hàng và thực hiện các công việc liên quan đến xử lý nợ.

***Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 504 728/HĐTC ngày 30 tháng 3 năm 2020 có nội dung tóm tắt như sau:***

Ông T, bà L thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của Thửa đất số 184, tờ bản đồ 231, diện tích 423,9m<sup>2</sup>; địa chỉ thửa đất thuộc thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

***Tại Hợp đồng tín dụng số 5224-LAV-2021 00499 (Mã KH: 5224 – 388982126) ngày 02 tháng 04 năm 2021, có nội dung:***

Ngày 02 tháng 04 năm 2021, Ngân hàng cho bà L vay 1.000.000.000đ, lãi suất 10%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm, thời hạn vay là 12 tháng.

***Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát sau khi phát biểu ý kiến:***

Kháng định Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án; Đại diện của nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án. Mặc dù Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng ông T, bà L, ông D và bà L vắng mặt tại phiên tòa. Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 318; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 91 và Điều 95 của Luật tổ chức tín dụng;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, buộc ông Trà, bà Lê trả số tiền 1.424.828.491đ và lãi suất phát sinh, kể từ ngày 24 tháng 4 năm 2024 cho đến khi trả xong nợ. Sau khi trả xong nợ, thì Ngân hàng có nghĩa vụ trả lại cho ông T, bà L tài sản đã thế chấp. Trường hợp ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Về án phí, chi phí tố tụng đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thụ lý vụ án:

+ Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết. Như vậy quan hệ pháp luật ở đây là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Nguyên đơn khởi kiện và có nộp tiền tạm ứng án phí. Bị đơn trú tại huyện E tỉnh Đắk Lắk, vì vậy Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk căn cứ vào Điều 35, 39; khoản 3 Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý vụ án.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Mặc dù Tòa án đã triệu tập và tiến hành hòa giải, nhưng ông T, ông D và bà L vắng mặt, vì vậy Tòa án căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[3]. Về nội dung quan hệ pháp luật có tranh chấp:

Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, thì Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại Hợp đồng ủy quyền thể hiện ông T đã ủy quyền cho bà L vay vốn. Tại Hợp đồng tín dụng thể hiện Ngân hàng cho bà L vay 1.000.000.000đ, lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi suất chậm trả 10%/năm.

Quá trình giải quyết vụ án, đại diện của Ngân hàng và bà L thừa nhận Ngân hàng cho ông T, bà L vay số tiền 1.000.000.000đ với thời hạn và lãi suất như đại diện Ngân hàng trình bày. Bà L xác nhận bà và ông T chưa trả cho Ngân hàng bất kỳ khoản tiền nào. Đến nay, bà và ông T còn nợ Ngân hàng 1.000.000.000đ tiền gốc và lãi suất phát sinh, nhưng chưa có trả. Bà và ông T đồng ý với nội dung khởi kiện của Ngân hàng.

Xét thấy khoản vay đến nay đã quá hạn trả nợ theo hợp đồng và theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật dân sự, do đó Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T, bà L trả số tiền 1.424.828.491đ là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, buộc ông T, bà L trả cho Ngân hàng số tiền tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2024 là 1.424.828.491đ (Gốc 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 301.917.808đ, lãi quá hạn 103.158.685đ, lãi chậm trả 19.751.998đ).

[4]. Về xử lý tài sản thế chấp: Nhận thấy tài sản thế chấp là của gia đình ông T, bà L. Ông T, ông D, bà L đã ủy quyền cho bà L vay vốn. Việc thế chấp được thực hiện tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy trong trường hợp ông T, bà L thanh toán xong nợ, thì Ngân hàng phải trả lại cho ông T, bà L tài sản thế chấp. Trường hợp ông T, bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T, bà L phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về dân sự có giá ngạch với số tiền 54.744.854đ (Làm tròn 54.744.000đ), được tính như sau: (800.000.000đ có mức thu 36.000.000đ; 624.828.491đ có mức thu là 624.828.491đ x 3% = 18.744.854đ). Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; các điều 147; 227; 235; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N thôn Việt Nam, buộc ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L trả cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền tính đến ngày 24 tháng 4 năm 2024 là 1.424.828.491đ (Gốc 1.000.000.000đ, lãi trong hạn 301.917.808đ, lãi quá hạn 103.158.685đ, lãi chậm trả 19.751.998đ).

Tiếp tục tính lãi suất phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 5224-LAV-2021 00499 (Mã KH: 5224 – 388982126) ngày 02 tháng 04 năm 2021, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L trả xong nợ.

Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L trả xong nợ, thì Ngân hàng N Việt Nam phải trả lại cho ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 504 728/HĐTC ngày 30 tháng 3 năm 2020.

Trường hợp ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L vi phạm nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản mà ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L đã thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 204 504 728/HĐTC ngày 30 tháng 3 năm 2020 để thu hồi nợ.

2. Về án phí:

+ Ông Phạm Văn T, bà Nguyễn Thị L phải chịu 54.744.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

+ Trả lại cho Ngân hàng N Việt Nam số tiền 24.450.000đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đắk Lắk theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0011901 ngày 29 tháng 12 năm 2023.

3. Về quyền và thời hạn kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

*Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại điều 2 của Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- VKSND huyện E;
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ.

## **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**ĐỖ VĂN DŨNG**